TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐĂK LĂK** Bản án số: 79/2024/HNGĐ – ST Ngày 30/9/2024. V/v: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Lan.

2.Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 444/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-DS ngày 25/9/2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 349/37 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 02 Y, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Vũ Tiến D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3.Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 và bà Trần Thị Hoàng L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 12, E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 92, thôn H, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 82 thôn L, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 213, thôn 15, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn 15, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày:

Trước đây chúng tôi là vợ chồng nhưng hiện tại đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 142/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2021.

Trong quá trình yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chúng tôi chưa thỏa thuận,và cũng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con. Nay tài sản chung này chúng tôi không thỏa thuận được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Đối với tài sản chung: Trong quá chung sống vợ chồng chúng tôi có tạo dựng được khối tài sản chung quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số DB056133, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99. Diện tích thửa đất là 651,4m^2. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Thôn Hòa Thắng, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tài sản gắn liền trên đất: Là một ngôi nhà cấp 4, xây dựng 2014. Diện tích sử dụng 120m^2.

Tôi thống nhất với giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 07/3/2024 là 2.026.098.672 đồng.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Tiến D có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tài sản cho tôi là 1.013.049.336 đồng trong trường hợp ông D nhận quản lý sử dụng tài sản này. Trường hợp ông D không đồng ý nhận tài sản thì tôi nhất trí nhận tài sản và thanh toán lại cho ông D thanh toán ½ giá trị tài sản là 1.013.049.336 đồng.

Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân:

+Vay tiền của em gái Trịnh Thị P với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), để mua đất và xây dựng nhà cửa (số tiền này mượn từ năm 2001 đến năm 2014);

+ Chị Nguyễn Thị Hải, vay hộ với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), (kèm theo giấy vay tiền ghi ngày 17/12/2020);

+ Chị Nguyễn Thị T với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), để đầu tư vào rẫy Cà phê (kèm theo giấy vay tiền ghi ngày 19/3/2018);

+ Chị Phạm Thị T với số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), để mua đất và xây dựng nhà cửa (kèm theo giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2023);

+Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị Hoàng L với số tiền là 13.725.000.000 đồng (Mười ba triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng đồng), tiền mua thuốc bảo vệ thực vật để đầu tư (kèm theo giấy ghi công nợ khách hàng ngày 01/10/2023);

+Bà Nguyễn Thị Thanh H với số tiền 20.000.000 đồng (kèm theo giấy nợ ghi ngày 07/7/2017).

Tổng số tiền nợ chung là: 303.725.000 đồng (ba trăm lẻ ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tôi xin được rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia nợ chung đã vay của em gái Trịnh Thị P với số tiền là 200.000.000 đồng do chúng tôi không ghi giấy nợ với nhau.

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số nợ trên, để tôi và ông D có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho những người trên. Cụ thể:

Nợ ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 13.725.000 đồng.

Nợ Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ 30.000.000 đồng nợ gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 38.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Nợ bà Phạm Thị T số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc và 14.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 54.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quyết định thuận tình ly hôn số 142/2021/QĐST - HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2021 chúng tôi thỏa thuận tôi là người trực tiếp nuôi cháu Vũ Phương Hoài A, sinh ngày 16/5/2012 chưa đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận. Nhưng hiện tại thu nhập của tôi thấp không đủ lo cho gia đình nên tôi yêu cầu ông Vũ Tiến D là bố ruột phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Phương Hoài A đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh P thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

2. Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Tiến D trình bày:

Nguyên trước đây tôi và bà Trịnh Thị H là vợ chồng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên cả hai đã thuận tình ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 142/2021/QDST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Huyện K. Tại quyết định hai bên thoả thuận chấm dứt về hôn nhân và con chung còn đối tài sản chung và nợ chung hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay bà Trịnh Thị H khởi kiện với các yêu cầu khởi kiện thì tôi có ý kiến như sau:

Thứ nhất: Với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu tôi phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vũ Phương Hoài A, sinh ngày 16/05/2012 cho đên khi cháu trường thành.

Đối với yêu cầu khởi kiện này sau khi thống nhất bị đơn tôi xin trình bày như sau: Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 142/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Huyện K thì giao cháu Vũ Phương Hoàng D và cháu Vũ Phương Hoài A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên sau khi ly hôn ông D vẫn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dung và cháu A cho đến cuối năm 2021 –

2022. Sau có bà H chuyển 2 cháu về bắc. Nay tôi mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Anh và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay tôi nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Phương Hoài A là 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Thứ hai: Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết nợ chung

Với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn thì tôi ý kiến như sau: Trong các khoản nợ mà bà H liệt kê tôi đồng ý chúng tôi có nợ của bà Nguyễn Thị H với số tiền là 30.000.000 đồng và nợ tiền phân bón của ông Nguyễn Văn L với số tiền là 13.725.000 đồng; Nợ bà Phạm Thị T số tiền 40.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng; Nợ bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải tôi thống nhất các khoản nợ chung như sau: Nợ ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 13.725.000 đồng.

Nợ Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ 30.000.000 đồng nợ gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 38.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Nợ bà Phạm Thị T số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc và 14.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 54.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 11/9/2024 cho đến nay tôi đã trả cho xong cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.500.000 đồng; Trả cho bà Phạm Thị T số tiền 27.000.000 đồng; Trả cho ông Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ số tiền 19.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 6.800.000 đồng;

Đối với số nợ còn lại bà Trịnh Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 6.800.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.500.000 đồng; Trả cho bà Phạm Thị T số tiền 27.000.000 đồng; Trả cho ông Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ số tiền 19.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng.

Thứ ba: Với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là chia tài sản chung là thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99, diện tích 651,2m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 056133 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/08/2021.

Với yêu cầu khởi kiện này bị đơn có ý kiến như sau: Vào năm 1993 tôi là công nhân của công ty cà phê T. Vào khoảng 1998 tôi được công ty cấp cho 1 phần đất có diện tích khoảng 260m², thửa đất toạ lạc tại đội 15/2 thôn 15, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vào năm 2001 tôi kết hôn với bà Trịnh Thị H và làm nhà, sinh sống trên thửa đất được cấp này. Năm 2014 tôi và bà H nhận chuyển nhượng thửa đất (mà Nguyên đơn đang yêu cầu chia) do thiếu tiền nên tôi phải sang nhượng quyền sử dụng đất (thửa đất được Công ty cà phê T cấp) để bù vào khoản tiền chuyển nhượng thửa đất nói trên.

Sau khi ly hôn giữa tôi và bà H đã thoả thuận là bà H sẽ lấy 5m chiều ngang và chiều dài hết đất (phần đất thoả thuận là phần đất trống không có căn nhà như

hiện tại). Tôi thừa nhận đối với diện tích đất 651,2m² hiện tại là tài sản chung của tôi và bà H.

Tại phiên tòa hôm nay tôi thống nhất thỏa thuận như sau: Tôi được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số DB056133, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99. Diện tích 651,4m^2 và thanh toán tiền chênh lệch cho bà Trịnh Thị H là 1.000.000.000 đồng.

3.Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1.Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Minh Đ:

Giữa gia đình tôi với gia đình chị Trịnh Thị H, anh Vũ Tiến D trước đây người cùng thôn. Do cần tiền trang trải để đầu tư rẫy cà phê và làm nông nghiệp nên vào ngày 17/12/2020 vợ chồng anh D chị H có vay của tôi số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay là 01 năm. Khi vay tôi không nhớ rõ hai bên thỏa thuận mức lãi là bao nhiêu, tuy nhiên anh D, chị H đã trả được cho tôi 06 tháng tiền lãi là 3.600.000 đồng, như vậy theo tính toan thì tiền lãi 2 bên thỏa thuận là 2%/tháng.

Tại phiên hòa giải ông D, bà H và vợ chồng tôi đã thống nhất ông D, bà H còn nợ chúng tôi số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 38.000.000 đồng. Ông D đã trả cho chúng tôi số tiền 19.000.000 đồng bằng phương thức chuyển khoản và chúng tôi đã nhận được số tiền trên. Vì vậy chúng tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vũ Tiến D, tiếp tục yêu cầu bà Trịnh Thị H phải trả cho chúng tôi số nợ còn lại là 19.000.000 đồng.

3.2.Bà Nguyễn Thị Thanh H:

Giữa tôi với chị Phạm Thị H là bạn bè với nhau. Do cần tiền trang trải cuộc sống nên ngày 07/7/2017 chị Trịnh Thị H, anh Vũ Tiến D có nhờ chị Phạm Thị Hvay của tôi số tiền 20.000.000 đồng (hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 20%/năm). Trong Giấy vay tiền chị H anh D có xác nhận là có nhờ chị Hải-Lập mượn giúp tiền nên chị Hải có trách nhiệm cùng với em Hiền Dũng trả số tiền này cho tôi.

Tại phiên hòa giải ông D, bà H và tôi đã thống nhất ông D, bà H còn nợ tôi số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.000.000 đồng. Ông D đã trả cho tôi số tiền 15.000.000 đồng bằng phương thức chuyển khoản và tôi đã nhận được số tiền trên. Vì vậy tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vũ Tiến D, tiếp tục yêu cầu bà Trịnh Thị H phải trả cho chúng tôi số nợ còn lại là 15.000.000 đồng.

3.3.Bà Nguyễn Thị T:

Ngày 19/3/2018 vợ chồng ông Vũ Tiến D và bà Trịnh Thị H có đến gặp tôi để đặt vấn đề vay tiền, mục đích là để trang trải cho cuộc sống gia đình và phục vụ làm nông nghiệp, do chúng tôi là hàng xóm với nhau, tôi cũng có một chút ít tiền nhàn rỗi nên tôi đồng ý. Sau đó vợ chồng bà H, ông D có viết 01 giấy mượn tiền với nội dung là: Vợ chồng tôi là Vũ Tiến D và Trịnh Thị H, cư trú tại thôn Hòa Thắng, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk có vay của chú L +T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và hẹn đến mùa cà sẽ trả đầy đủ cả vốn lẫn lãi. Khi vay

chúng tôi chỉ thỏa thuận miệng với nhau tiền lãi là 1,5%/tháng. (tên của chồng tôi là Hoàng Văn Liên, sinh năm 1956).

Tại phiên hòa giải ông D, bà H và tôi đã thống nhất ông D, bà H còn nợ tôi số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 29.000.000 đồng. Ông D đã trả cho tôi số tiền 14.500.000 đồng bằng phương thức chuyển khoản và tôi đã nhận được số tiền trên. Vì vậy tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vũ Tiến D, tiếp tục yêu cầu bà Trịnh Thị H phải trả cho chúng tôi số nợ còn lại là 14.500.000 đồng.

3.4.Bà Phạm Thị T:

Giữa gia đình tôi với gia đình chị Trịnh Thị H, anh Vũ Tiến D trước đây người cùng thôn. Do cần tiền trang trải con đi xuất khẩu lao động nên ngày 23/11/2018 Âm lịch (tức ngày 18/12/2018 Dương lịch) chị Trịnh Thị H đến nhà vay của tôi số tiền 40.000.000 đồng, khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau tiền lãi là 1,5%/tháng, thời hạn vay là đến mùa cà năm 2019 chị H sẽ trả lại toàn bộ số nợ gốc cho tôi. Khi đến vay thì chỉ có chị H đến viết giấy và ghi tên anh D chứ anh D không có mặt.

Tại phiên hòa giải ông D, bà H và tôi đã thống nhất ông D, bà H còn nợ tôi số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc và 14.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 44.000.000 đồng. Ông D đã trả cho tôi số tiền 27.000.000 đồng bằng phương thức chuyển khoản và tôi đã nhận được số tiền trên. Vì vậy tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vũ Tiến D, tiếp tục yêu cầu bà Trịnh Thị H phải trả cho chúng tôi số nợ còn lại là 27.000.000 đồng.

3.5.Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L, sinh năm 1989.

Ông Vũ Tiến D và bà Trịnh Thị H là khách hàng của Đại lý thuốc bảo vệ thực vật Hoàng Liên (địa chỉ thôn 15, xã H, huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk) của vợ chồng chúng tôi. Từ ngày 18/4/2020 đến ngày 05/12/2020 vợ chồng anh D, chị H đã mua thuốc bảo vệ thực vật và vật tư nông nghiệp khác với số tiền là 13.725.000 đồng. Đến năm 2021 thì vợ chồng chị H anh D ly hôn, chị H chuyển đi nói khác sinh sống nhưng anh D vẫn ở lại nhà cũ, thời gian sau này thì anh D vẫn thường xuyên mua các loại thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý của chúng tôi nhưng đã thanh toán đầy đủ. Còn đối với số tiền còn nợ chung của 2 vợ chồng 13.725.000 đồng hiện nay anh D chị H vẫn chưa thanh toán.

Hiện nay ông Vũ Tiến D đã trả cho chúng tôi số nợ 6.862.000 đồng nên chúng tôi rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vũ Tiến D, tiếp tục yêu cầu bà Trịnh Thị H phải trả cho chúng tôi số nợ còn lại là 6.862.000 đồng.

Tại phần tranh luận, các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Giao cho ông Vũ Tiến D quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số DB056133, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99. Diện tích 651,4m^2. Ông Vũ Tiến D thanh toán tiền chênh lệch cho bà Trịnh Thị H là 1.000.000.000 đồng.

Ông Vũ Tiến D chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Phương Hoài A là 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

-Căn cứ khoản 1 Điều Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 246, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

-Căn cứ Điều 27, Điều 33, Điều 59, Điều 60, Điều 62, 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

-Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H.

-Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số DB056133, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99. Diện tích 651,4m^2. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại: Thôn Hòa Thắng, xã H, huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk cho ông Vũ Tiến D quản lý, sử dụng. Ông Vũ Tiến D có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho bà Trịnh Thị H là 1.000.000.000 đồng.

-Về chia nợ chung: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh H đối với bà Trịnh Thị H.

Buộc bà Trịnh Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 6.800.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.500.000 đồng; Trả cho bà Phạm Thị T số tiền 27.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ số tiền 19.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh H đối với ông Vũ Tiến D,

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia nợ chung của bà Trịnh Thị H đối với số tiền là 200.000.000 đồng.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận việc ông Vũ Tiến D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Phương Hoài A, sinh ngày 16/5/2012 với số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[3].Về nội dung:

3.1.Nguồn gốc tài sản chung: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 056133, do UBND Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021 cho ông Vũ Tiến D, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99. Diện tích thửa đất là 651,4m^2, tài sản này có nguồn gốc ông Vũ Tiến D và bà Trịnh Thị H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 1151,2m2, sau đó ông D, bà H đã chuyển nhượng diện tích 499,8m2 cho ông Nguyễn Cao Cường, diện tích đất còn lại 651,4m^2 sau khi ly hôn ông D là người đang quản lý, sử dụng, trên đất có 01 căn nhà cấp 4.

Như vậy, khối tài sản mà bà H khởi kiện yêu cầu chia là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Ông D và bà H có được khối tài sản này là do nhận chuyển nhượng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định nhà đất thuộc thửa thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99, xã H, huyện Huyện K là tài sản chung của bà H, ông D nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà H. Do các đương sự có công sức đóng góp ngang nhau trong khối tài sản chung nên được hưởng giá trị tài sản ngang bằng nhau.

3.2.Về chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng định giá đã định giá tài sản có giá trị là 2.026.098.672 đồng (Hai tỷ không trăm hai sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Vũ Tiến D thống nhất thỏa thuận:

Giao cho ông Vũ Tiến D được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số DB 056133, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99, diện tích 651,4m^2, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021 và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại thôn Hòa Thắng, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nhà và đất có giá trị là 2.000.000.000 đồng.

Ông Vũ Tiến D có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho bà H là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Xét thấy đây là sự tự nguyên thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định của pháp luật cần chấp nhận.

3.3.Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Tiến D, bà Trịnh Thị H

và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất xác nhận các khoản như sau:

Nợ ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 13.725.000 đồng.

Nợ Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ 30.000.000 đồng nợ gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 38.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Nợ bà Phạm Thị T số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc và 14.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 54.000.000 đồng.

Nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng, tổng cộng là 29.000.000 đồng.

Tổng cộng số nợ là 164.725.000 đồng, bà Trịnh Thị H và ông Vũ Tiến D mỗi người phải trả số tiền 82.362.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ông Vũ Tiến D đã trả ½ số nợ cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.500.000 đồng; Trả cho bà Phạm Thị T số tiền 27.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ số tiền 19.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 6.800.000 đồng; Các ông, bà có tên trên đã nhận được tiền và rút yêu cầu khởi kiện độc lập đối với ông Vũ Tiến D, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Trịnh Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì vậy cần buộc bà Trịnh Thị H phải trả số nợ còn lại cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 6.800.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.500.000 đồng; Trả cho bà Phạm Thị T số tiền 27.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ số tiền 19.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng.

Bà Trịnh Thị H rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia nợ chung đã vay của em gái Trịnh Thị P số tiền là 200.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

3.4.Về cấp dưỡng nuôi con: Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 142/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Huyện K thì giao cháu Vũ Phương Hoàng D và cháu Vũ Phương Hoài A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại thời điểm bà H khởi kiện thì cháu Vũ Phương Hoàng D đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng cho cháu Dung. Vì vậy cần buộc ông Vũ Tiến D cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Phương Hoài A, sinh ngày 16/5/2012 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Tiến D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

4. Về chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ: Do tài sản được chia đôi, nên nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí thẩm định, định giá tài sản

là 9.000.000 đồng, như vậy mỗi người phải chịu 4.500.000 đồng. Số tiền này bà H đã nộp tạm ứng, ông D có trách nhiệm trả lại cho bà H 4.500.000 đồng.

5.Về án phí: Bà Trịnh Thị H và ông Vũ Tiến D mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là: 36.000.000 đồng + 3% x (1.000.000.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 42.000.000 đồng.

Bà Trịnh Thị H phải chịu án phí đối với phần nợ chung là 4.115.000 đồng.

Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Trịnh Thị H đã nộp là 4.050.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng số AA/2022/0003457 ngày 26/10/2023 và biên lai thu tạm ứng số AA/2022/0003572 ngày 29/11/2023, bà Trịnh Thị H còn phải nộp 42.060.000 đồng.

Ông Vũ Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 343.000 đồng; Bà Phạm Thị T số tiền 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện K.

[6]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 246, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

-Căn cứ Điều 27, Điều 33, Điều 59, Điều 60, Điều 62, 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

-Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự;

-Căn cứ Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H.

1.Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho ông Vũ Tiến D quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số DB056133, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 10 tháng 08 năm 2021, thửa đất số 268, tờ bản đồ số 99. Diện tích 651,4m^2 (đo hiện trạng 651,6m^2), có tứ cận như sau:

-Phía Bắc giáp đất ông G có chiều dài 32,68m;

-Phía Nam giáp đất ông H có chiều dài 32,82m;

-Phía đông giáp đất ông C có chiều dài 19,74m;

-Phía Nam giáp đường bê tông có chiều dài 9,44m+6,20m+4,50m.

Và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 107,5m^2; Mái che phía trước, bên hông diện tích 43,4m^2; Nhà kho diện tích 20,8m^2; Mái che phía sau diện tích 14,6m^2; Công trình phụ diện tích 7,8m^2; Hàng rào lưới B40 cao 0,6m, dài 32,68m; Hàng rào

khung sắt cao 6,6m, dài 15,64m; Trụ cổng cao 2,4m, cổng sắt diện tích 7,68m^2; Sân xi măng diện tích 75,2m^2.

Nhà và đất tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Vũ Tiến D có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho bà Trịnh Thị H là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng chẵn)*.

2. Về chia nợ chung: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Thanh H đối với bà Trịnh Thị H.

Buộc bà Trịnh Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 6.800.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.500.000 đồng; Trả cho bà Phạm Thị T số tiền 27.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh Đ số tiền 19.000.000 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 82.362.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh H đối với ông Vũ Tiến D đối với số tiền 82.362.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia nợ chung của bà Trịnh Thị H đối với số tiền là 200.000.000 đồng.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận việc ông Vũ Tiến D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Phương Hoài A, sinh ngày 16/5/2012 với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

4. Về chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ: Bà Trịnh Thị H và ông Vũ Tiến D mỗi người phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản là 9.000.000 đồng, mỗi người phải chịu 4.500.000 đồng. Số tiền này bà H đã nộp tạm ứng, ông D có trách nhiệm trả lại cho bà H 4.500.000 đồng.

5.Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 42.000.000 đồng và án phí đối với phần nợ chung là 4.115.000 đồng.

Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Trịnh Thị H đã nộp là 4.050.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng số AA/2022/0003457 ngày 26/10/2023 và biên lai thu tạm ứng số AA/2022/0003572 ngày 29/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Trịnh Thị H còn phải nộp 42.060.000 đồng.

Ông Vũ Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 42.000.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 343.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số AA/2022/0005654 ngày 09/4/2024; Bà Phạm Thị T số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số AA/2022/0005661 ngày 12/4/2024, bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số AA/2022/0005643 ngày 08/4/2024 tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15

ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND H.Huyện K;
-Chi cục THADS H.Huyện K;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Trịnh Thị Oanh H’Năm Bkrông

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-UBND xã Long Thạnh H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H’ Năm Bkrông